

VĂN BIA GHI VỀ THIÊN PHÁI TRÚC LÂM

PG.S.TS. ĐÌNH KHẮC THUÂN*

TÓM TẮT

Qua văn bia, một số sự kiện lịch sử liên quan tới buổi khởi đầu của thiên phái Trúc Lâm được ghi nhận, với sự đóng góp “vô hạn độ” của tầng lớp “quý tộc”. Văn bia cũng cho thấy hành trạng của Trúc Lâm tam tổ, từ hoằng dương đạo pháp, xây dựng thiền viện đến tu trì...

Từ khóa: thiên phái; thiền sư; bia ký.

ABSTRACT

Through steles, some historical events relevant to the beginning of Trúc Lâm zen were recorded, with the unlimited contribution of aristocratic class. The steles also show the history of three first ancestors of Trúc Lâm Zen from expanding Buddhism to build pagodas etc.

Key words: zen; monk; stele.

Phật phái Trúc Lâm để lại dấu ấn sâu đậm ở cụm di tích danh thắng thuộc dãy núi Yên Tử và phụ cận, mà cụ thể là các di tích thuộc huyện Đông Triều (Quảng Ninh), một số di tích thuộc huyện Chí Linh (Hải Dương) và huyện Lục Ngạn (Bắc Giang), nay được gọi là Tây Yên Tử. Tư liệu văn bia ở đây là minh chứng văn bản có giá trị trong việc xác định tính chân thực của quần thể di tích danh thắng gắn với trung tâm Phật phái Trúc Lâm dưới thời Trần.

1. Văn bia phản ánh lịch sử xây dựng, trùng tu di tích thuộc Phật phái Trúc Lâm

* Trước hết là cụm văn bia ở các di tích thuộc huyện Đông Triều, tiêu biểu là văn bia chùa Quỳnh Lâm: “An Nam cổ tích danh lam Đệ nhất Quỳnh Lâm bi kí”. Phần văn tự còn rõ nhất trên văn bia cho biết, chùa được xây dựng lại khá quy mô vào năm Vĩnh Tộ thứ 3 (1621), gồm thượng điện (3 tầng), thiêu hương, tiền đường, hương vũ, hậu Phật đường, hai bên hành lang, hậu tăng - phòng oản. Sau đó, đến năm Cảnh Hưng thứ 30 (1769) lại được tu sửa, mở rộng quy mô, cùng việc tu sửa, tái tạo khu tháp mộ. Đó là tháp mộ của các tổ từng tu trì tại chùa.

Cũng cần nói thêm rằng, chính tấm bia đá này đang mang dấu ấn các thời kỳ xây dựng, trùng tu chùa Quỳnh Lâm. Khởi thủy, đây là bia được tạo tác vào thời Lý, với kích cỡ quy mô khá lớn, cùng họa tiết rồng uốn lượn mềm mại trên trán bia và các rồng ổ được chạm trên diềm bia. Đến thời Trần, chùa được trùng tu và bia cũng được khắc thêm nội dung, trong

đó có đoạn ghi lại rằng: “Năm Khai Thái năm thứ 3 (1326) tháng 2 năm Bính Dần, Bảo Từ hoàng thái hậu cúng 50 mẫu ruộng ở trang Đa Mạn làm của tam bảo chùa Quỳnh Lâm, con gái của vương cúng 30 mẫu ruộng ở quê mình thuộc phủ Thanh Hoa làm ruộng tam bảo chùa Quỳnh Lâm. Ngọc Hoa công chúa Trần Thị Ngọc Đảm lại trùng tu chùa Quỳnh Lâm, cúng hai mẫu ruộng ở rìa núi bên trái và bên phải làm ruộng tam bảo chùa Quỳnh Lâm”. Đến thời Lê Trung hưng đầu thế kỷ XVII, bia mờ nên bị đục đi khắc lại. Hoa văn mây trên trán bia, cùng hình rồng có thân mập hiện rõ ở lần tu sửa vào thế kỷ XVII.

Cụm văn bia đền An Sinh, huyện Đông Triều, trong đó có bia “Trùng tu bi ký”, dựng năm Chính Hòa thứ 11 (1690), ghi lại ngự vị các vua Trần an táng tại đây: Trần triều 5 vị Hoàng đế táng tại An Sinh. Anh Tông Hoàng đế lăng táng ngày 16 tháng 3 năm Canh Thân tại xứ Đồng Thái, 65 mẫu. Minh Tông Hoàng đế ngày 19 tháng 2 năm Đinh Dậu, táng tại Đồng Dịch, 65 mẫu. Dụ Tông Hoàng đế, 25 tháng 5 năm Kỷ Dậu, 65 mẫu. Nghệ Tông Hoàng đế 15 tháng 12 năm Giáp Tuất, Đồng Thái, 65 mẫu. Khâm Minh thánh vũ Hiến đạo An sinh Hoàng đế ngày 20 tháng 10 năm Tân Hợi, Đồng Sinh, 65 mẫu. Vị Hoàng hậu lăng mộ tại Đồng Thái xứ, 30 mẫu. Ngọc Hoa Ai Lao công chúa...

Cũng tại đây có một số văn bia khác khắc lại chỉ dụ của chúa Trịnh miễn phu phen, tạ dịch cho dân bản xã để lo trông nom, phụng thờ đền. Đó là lệnh chỉ của Đại Nguyên súy Tổng Quốc chính Thánh phụ sư Nhân Minh Định vương ban ngày 24 tháng 10 năm Chính Hòa thứ 11 (1690), cùng một lệnh chỉ khác cấp năm Cảnh Hưng thứ 28 (1767).

* Viện Nghiên cứu Hán Nôm

Chùa núi Thiên Liêu, nay gọi là đền Đức Sơn, xã Yên Đức có một văn bia thời Trần: "Thiên Liêu sơn". Nội dung văn bia cho biết, có vị được ban quốc tính là Trần Khắc Kỷ và Bảo Quỳnh công Trần công cúng trang Ma Liêu làm của tam bảo, giao cho nghĩa đệ (người em kết nghĩa) là nhà sư Hương Lâm chủ trì trông nom. Phó sứ Thẩm Hình viện, Nghệ An Giám sát sứ họ Trần đi nhậm chức ở phủ lộ Nghệ An, đã lưu lại cho người con trai cả là Trần Nguyên Huy làm Giám thủ, trông coi tam bảo phụng thờ hương hỏa. Các dòng chữ bên trái cho biết, hân hạnh được vua Trần đến cho đổi tên Thiên Liêu sơn tự làm Sùng Nhân điện, đặc ban cho Thái trưởng lão Hương Lâm trông nom... Dòng lạc khoản được ghi là "Thiệu Phong bát niên Mậu Tý nhị nguyệt sơ tứ nhật Trần Quốc Cương thư". Chữ nguyệt ở đây được khắc theo lối kiêng húy thời Trần: bớt 1 nét ở giữa. Niên đại này là tuyệt đối: "Ngày mồng 4 tháng 2 năm Mậu Tý niên hiệu Thiệu Phong thứ 8 (1348), đời Trần Dụ Tông, Trần Quốc Cương ghi".

Văn bia chùa Non Động, thị trấn Mạo Khê dựng năm Khai Hựu thứ 3 (1331) cũng là văn bia khá sớm ở chùa và khu vực. Trán bia bên phải bị vỡ nửa trên, nên chỉ còn hình chim phượng châu ở nửa bên trái trán bia. Diềm bên bia trang trí hoa cúc dây, diềm chân bia khắc hoa văn sóng nước, đặc điểm thường gặp trên trang trí bia thời Trần. Văn bia do Ngự sử Trung thuận đại phu lộ Lộ Nhân họ Phạm soạn.

Văn bia chùa Bác Mã khắc lại lệnh chỉ của chúa Trịnh cho dân xã Bác Mã, huyện Đông Triều, phủ Kinh Môn miễn phu phen, tạp dịch để trông nom phụng thờ chùa. Chùa vốn do Trần triều Nhân Tông Hoàng đế sáng lập.

Chùa Phúc Trí có văn bia "Trùng tu Phúc Trí bi kí", dựng năm Hồng Định thứ 7 (1607), có rồng yên ngựa, dây leo khắc chìm. Văn bia ghi việc Thái vương tấn Lê Thị Ngọc Nương, hiệu Huệ Minh, người huyện Lô Dương, phủ Thiệu Thiên mua đất cúng vào chùa, cùng các tín thí khác, như Đô đốc Ngạn Quận công Nguyễn Đình An - tự Huệ Nhân, Quận phu nhân Nguyễn Thị Ngọc Phác.

Chùa Hoa Yên và đền Di Ái, xã Đức Chính được nhiều lần trùng tu, đặc biệt đền Di Ái có sắc chỉ của vua Quang Trung và Cảnh Thịnh thời Tây Sơn sắc cho tu sửa và phụng thờ, cùng các xã lân cận xin rước duệ hiệu ở đền về thờ, như xã Kim Liên, Tuấn Mậu, An Lâm, Đông Mai, Trạc Hà, Đông xá, Nguyễn Xá, Diên Linh, Bác Mã, Đông Sơn..., cả thảy 18 xã.

* Cụm văn bia chùa Thanh Mai, huyện Chí Linh có 4 tấm bia, trong đó, đặc biệt là bia "Thanh Mai

Viên Thông tháp bi", khắc năm Đại Trị thứ 5 (1362), ghi chép được khá nhiều ngôi chùa danh tiếng của Thiên phái Trúc Lâm được xây dựng, trùng tu.

Cụ thể như, đến năm 1329, đã có hai khu chùa lớn là Báo Ân và Quỳnh Lâm, năm ngọn tháp và 200 tầng đường được xây dựng. Năm 1314, riêng chùa Báo Ân, Pháp Loa đã cho xây 33 cơ sở, gồm điện Phật, gác chứa kinh và tầng đường. Sư còn xây dựng các am, như Hồ Thiên, Chân Lạc, An Mã..., mở rộng chùa Thanh Mai và Côn Sơn. Các đệ tử của Pháp Loa cũng cho xây dựng nhiều tháp, chùa ở khắp nơi. Trong năm này, "sư tạo hơn 1300 tượng Phật lớn nhỏ, hơn 100 tượng bằng đất, dựng hai ngôi chùa lớn và 5 tòa tháp, lập hơn 200 tầng xá, độ hơn 15.000 tăng ni, in bộ kinh Đại tạng" (*Thanh Mai Viên Thông tháp bi*).

Năm 1328, thiền sư (Pháp Loa) lại cho đúc một pho tượng Di Lạc và tâu xin nhà vua cho được rước tượng từ nền điện lên bảo tọa để dát vàng. Văn bia "Thanh Mai Viên Thông tháp bi" viết: "Niên hiệu Khai Thái năm thứ nhất (1324), ngày 12 tháng 11 năm Giáp Tý, Bảo Từ hoàng thái hậu xin với Phổ Tuệ Minh Giác tôn giả, tổ thứ hai dòng Trúc Lâm cho dựng tượng Di Lạc cao 6 thước. Tư đồ Văn Huệ vương và Thượng Trân Thái trưởng công chúa xin cúng chín nghìn lạng hoàng kim để đúc pho tượng ấy. Con trai trưởng của công chúa Nhật Trần là Thuận Ứng cúng 50 mẫu ruộng ở trang Hoa Lưu để làm của tam bảo chùa Quỳnh Lâm. Tư đồ Văn Huệ Vương thiền sư, Thượng Trân Thái trưởng công chúa cúng 300 mẫu ruộng ở Cự Linh, Gia Lâm; lại cúng ruộng ở trang Vân Động, tất cả cộng là 1 nghìn mẫu và 1 nghìn nam, nữ gia nô vào chùa Quỳnh Lâm. Vào năm Mậu Thìn niên hiệu Khai Thái thứ 5 (1328) tháng 3, Bảo Từ hoàng thái hậu, Bảo Huệ quốc mẫu mời sư đến chùa Quỳnh Lâm tập hợp sư sãi mười phương diễn giảng Đại Thừa chân kinh, lại lập đàn chay 10 ngày cầu cho Trần Anh Tông Hoàng đế Bồ Tát. Minh Tông Hoàng đế Bồ Tát phê chuẩn lời tâu của sư chùa cho cấm quân đến rước tượng Phật Di Lạc đặt lên điện và thếp vàng".

Văn bia "Thanh Mai Viên Thông tháp bi" còn cho biết, chùa Vĩnh Nghiêm (Bắc Giang) là chốn tổ của giáo hội Trúc Lâm, nơi san khắc các bộ kinh Phật.

Cùng với cụm văn bia chùa Thanh Mai là cụm văn bia Côn Sơn - Kiếp Bạc, huyện Chí Linh là nguồn sử liệu quý về thiên phái Trúc Lâm. Từ thời Trần, tại chùa Thiên Tư Phúc - Côn Sơn đã diễn ra các cuộc đại hội chúng tăng, nghe các quốc sư giảng kinh thuyết pháp. Văn bia "Thanh Hư động" ghi rằng:

"Xưa, thời Hoàng đế Minh Tông triều Trần, nước Nam Việt, học đạo tu thân thành quả Phật kế truyền tông phái tổ sư thứ ba là Huyền Quang nối đời tu trì tại danh lam Côn Sơn Tư Phúc".

Năm 1316, Pháp Loa Thiền sư đã tôn tạo mở rộng chùa Côn Sơn, xây dựng nơi đây thành tăng viện đào tạo tăng ni, giảng kinh thuyết pháp. Sau đó, từ năm 1329, Huyền Quang về trụ trì ở Côn Sơn, xây nhiều công trình, trong đó có am Bạch Vân trên núi Côn Sơn. Văn bia "Côn Sơn Tư Phúc tự" ghi: "Chùa Thiên Tư Phúc Côn Sơn, xã Chi Ngại, huyện Phượng Nhãn là nơi danh lam cổ tích, nơi trụ trì của sư tổ thứ 3 đời nhà Trần, sư nổi pháp Huyền Quang Ma ha tôn giả, chùa xưa được Trần Minh Tông cấp một vạn tờ điệp khổng chỉ, người cúng tiền vàng kể đến hàng nghìn, lưu truyền đến muôn đời".

* Cụm văn bia chùa Khám huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Ninh (nay là Bắc Giang) có 2 bia. Một bia khắc năm Thuận Thiên thứ 5 (1432) ghi việc tạo một bệ đá hoa sen; một bia khắc năm Hồng Đức thứ 25 (1494) ghi việc tạo bệ tượng và ba pho tượng. Nội dung cụ thể như sau:

Văn bản khắc trên bệ đá chùa Khám ghi: 順天五年壬子年, 龕社下品刘俱, 妻杜醜 (Thuận Thiên ngũ niên Nhâm Tý niên, Khám xã Hạ phẩm Lưu Câu, thê Đỗ Xú). Nghĩa là: Năm Nhâm Tý niên hiệu Thuận Thiên thứ 5 (1432) - Lưu Câu chúc Hạ phẩm, người xã Khám và vợ là Đỗ Xú (công đức).

Văn bản khắc trên bệ tượng Phật vào năm Hồng Đức thứ 25 (1494) ghi: 洪德二十五年二月初七日信主刘氏論起造佛三尊号曰善緣婆錢三貫與順心翁一貫正念翁妻婆. . 慈信婆? 愚翁并有福婆一貫无心翁并婆錢五陳祿衣一件阮氏衣一件阮氏瑞衣一件阮氏陸岸縣社富山翁并婆衣一件東洛社阮氏錢五陌。

Dịch nghĩa: "Ngày mồng 7 tháng 2 năm Hồng Đức 25 (1494), tín chủ Lưu Thị Luận khởi xướng tạo tác 3 pho tượng Phật.

Hiệu là Thiện Duyên bà cúng 3 quan tiền và Thuận Tâm ông 1 quan tiền, Chính Niệm ông và bà..., Từ Tín bà, Ngô ông cùng Hữu Duyên bà cúng 1 quan tiền, Vô Tâm ông và bà cúng 5 quan. Trần Phúc cúng 1 chiếc áo, Nguyễn Thị cúng 1 chiếc áo, Nguyễn Thị Thụy 1 chiếc áo, Nguyễn Thị.

Phú Sơn ông và bà, người xã huyện Lục Ngạn cúng 1 chiếc áo. Đông Lạc xã Nguyễn thị cúng 5 mạch tiền".

Bệ Phật được tạo dựng vào đầu thời Lê sơ, năm Thuận Thiên thứ 5 (1432) ở chùa Khám Lạng có kiểu dáng như các bệ đá hoa sen thời Trần. Điều đó cho

thấy, nơi đây vốn nằm trong hệ thống Phật phái Trúc Lâm thời Trần, được duy trì và tái tạo nối tiếp sau đó vào thời Lê sơ. Còn bệ tượng khắc năm Hồng Đức thứ 25 (1494) là bệ Phật, gồm ba bệ. Nội dung văn bản ghi việc công đức tạo tượng và công đức cúng áo Phật, cả thầy 4 chiếc.

2. Văn bia về các vị sư tổ Thiền phái Trúc Lâm

Cụm văn bia chùa Thanh Mai, Côn Sơn Kiếp Bạc, trong đó tiêu biểu là văn bia "Thanh Mai Viên Thông tháp bi", khắc năm Đại Trị thứ 5 (1362) là nguồn sử liệu quý về các vị sư tổ thiền phái Trúc Lâm.

2.1. Về Trần Nhân Tông:

Sau khi tìm được người kế thừa đạo pháp, Trần Nhân Tông đến chùa Vĩnh Nghiêm (Bắc Giang) làm lễ kết hạ. Sau khi giảng hết khoá hạ, Điều Ngự Trần Nhân Tông vào núi Yên Tử, đến năm ở am Ngoạ Vân và hóa tại đây. Khi Trần Nhân Tông hóa, Pháp Loa làm lễ hoả táng, xây tháp mộ ở núi Yên Tử, dâng tôn hiệu cho ngài là: "Đại Thánh Trần Triều Trúc Lâm Đầu Đà Tĩnh Tuệ Giác Hoàng Điều Ngự Tổ Phật", gọi là Trúc Lâm đệ nhất Tổ. Và, nối tiếp lên làm vị tổ thứ 2 Thiền phái Trúc Lâm là Pháp Loa. Ông được Trần Nhân Tông truyền cho đạo pháp, đã đi khắp nơi thuyết pháp, giảng bộ sách "Thiền uyển truyền đăng lục".

Văn bia "Thanh Mai Viên Thông tháp bi" viết: "Năm Giáp Thìn, niên hiệu Hưng Long thứ 12 (1304), Nhân Tông Điều Ngự Đầu Đà đi khắp các miền, trừ bỏ những đền thờ dâm thần, bố thí phép chữa bệnh cho những người nghèo bị mắc bệnh, cùng với mục đích là tìm người nối dòng pháp.

Khi xa giá Điều Ngự đến Nam Sách giang, thì sư đi chơi xa, bỗng cảm thấy tâm phiền muộn nên quay về, vừa lúc ấy gặp Điều Ngự đến thôn mình, sư bèn làm lễ xin xuất gia".

Sau khi gặp Pháp Loa, Đầu Đà đã tin tưởng và muốn truyền pháp. Năm 1308, Pháp Loa được chính thức ủy làm tổ thứ hai của thiền phái Trúc Lâm. Việc kế thế của Pháp Loa được tiến hành bằng một buổi lễ trọng thể. Trong buổi lễ đó, Điều Ngự cho tấu đại nhạc, thắp hương thơm, dẫn sư lễ tổ đường, rồi ra điểm tâm. Sau khi điểm tâm, Điều Ngự lại sai tấu nhạc, đánh trống pháp, tập hợp đại chúng tại pháp đường. Bấy giờ vua Anh Tông ngự giá đến chùa. Vì vua là đại thí chủ của Phật Pháp, nên khi phân ngôi chủ khách, vua đứng vào vị trí khách tại pháp đường. Còn Quốc phụ Thượng tể thì cùng các quan đứng dưới sân, Điều Ngự lên tòa thuyết pháp. Giảng xong, Điều Ngự bước xuống dắt sư lên tòa, đứng đối diện chấp tay thăm hỏi. Sư

đáp lại. Điều Ngự trao pháp y cho sư mặc. Điều Ngự ngồi vào ghế Khúc lục ở một bên nghe sư thuyết pháp, rồi đem chùa Siêu Loại của sơn môn Yên Tử giao cho sư, sai sư là người kế thế trụ trì, làm tổ đời thứ hai của phái Trúc Lâm" (*Thanh Mai Viên Thông tháp bi*).

Bài vị sư tổ đệ nhất được khắc trên văn bia là: "Nam Vô A Di Đà Phật Trần triều Yên Tử Trúc Lâm đệ nhất Thánh tổ Hoa Yên viện Huệ Quán Kim tháp Đâu Đà Tịnh Tuệ Giác Hoàng Điều Ngự Đại Thánh tổ thiên tọa hạ".

2.2. Về Pháp Loa:

Pháp Loa (1284 - 1330) tên là Đồng Kiên Cương, quê ở thôn Đồng Hòa, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Văn bia "Thanh Mai Viên Thông tháp bi" ghi: "Sư sinh giờ Mão, ngày 17 tháng 5 năm Giáp Thân, niên hiệu Thiệu Bảo thứ 6, tại thôn Đồng Hòa, hương Cửu La, giang Nam Sách. Khi xưa vào tháng 8 năm Quý Mùi (1283), mẹ sư là Vũ thị, đêm nằm mộng thấy dị nhân trao cho kiếm thần, bà vui mừng ôm vào lòng, đến khi thức giấc, bà biết có thai. Ngày sinh sư, khắp nhà tỏa mùi hương thơm, hồi lâu mới hết. Cha dòng dõi tnh hạnh, họ Đồng, hiệu Thuần Mậu, mẹ họ Vũ, hiệu Từ Cứu. Tục danh của sư là Kiên Cương. Lúc còn nhỏ đã có thiên tư dĩnh ngộ, không nói lời ác, không ăn chất cay nồng và ôi tanh".

Cũng nội dung văn bia "Thanh Mai Viên Thông tháp bi" này cho biết, năm 1304, ông xuất gia theo Điều Ngự, được đặt tên là Thiện Lai. Ban đầu được gửi đến học với Hòa thượng Tinh Giác ở Quỳnh Quán, sau đó, thường đi theo Điều Ngự dự các buổi giảng. Năm 1305, ông được Điều Ngự cho thụ giới Thanh Văn và Bồ Tát, đặt pháp danh là Pháp Loa. Năm 1306 được cử làm giảng chủ ở chùa Báo Ân, huyện Siêu Loại. Năm 1307, ông và một số đệ tử khác được Điều Ngự giảng cho nghe bộ Đại Tuệ ngữ lục. Trong năm đó, trên đỉnh Ngọa Vân, ông được Điều Ngự giao cho y bát và tâm kệ. Đến ngày mồng Một tháng Giêng năm Mậu Thân (1308) ông được chính thức trao pháp y, giữ cương vị tổ thứ hai của phái Trúc Lâm.

Nhờ được sự ủng hộ và giúp đỡ của giới quý tộc mà uy thế và cơ sở kinh tế của giáo hội Trúc Lâm ngày càng lớn mạnh. Pháp Loa được Anh Tông cho nhiều ruộng đất ở làng Đội Gia, cấp luôn cả người canh tác. Văn bia ghi: "Tháng 11, năm Nhâm Tý, niên hiệu Hưng Long thứ 20 (1312), vua Anh Tông ban chiếu mời sư vào chùa Tự Phúc trong đại nội, giảng *Đại Tuệ ngữ lục*. Nhân đó, vua lấy bạc trong

kho trị giá 50 nghìn quan tiền, giao cho sư bố thí cho những người nghèo, ban cho thuyền công và những người chèo thuyền để sư tiện đi lại hàng ngày. Sư từ chối không nhận, vua Anh Tông lại sai trích ra một khu ruộng 500 mẫu ở trang Niệm Như để sư làm của thường trụ tam bảo...." (*Thanh Mai Viên Thông tháp bi*).

Mỗi lần có việc dựng chùa, tổ tượng (đúc tượng), vua và quan lại, quý tộc đều quyên cúng rất nhiều: "Tháng 12, sư sáng lập viện Quỳnh Lâm, Tư đồ Văn Huệ vương là thí chủ, cúng 4000 quan tiền. Nguyễn Tương ở Vân Động đến lễ sư cúng 75 mẫu ruộng để làm của thường trụ tam bảo cho viện Quỳnh Lâm. Trước đó, Tư đồ Văn Huệ vương và con gái của vua là công chúa Thượng Trân cúng 900 lượng vàng để sư đúc tượng. Di Loan cư sĩ, con của Nhật Trinh công chúa cúng 300 mẫu ruộng tại phủ Thanh Hoa và một thửa ruộng hoang, Bảo Từ hoàng thái hậu cúng 22 mẫu đất ở phủ An Hoa để giúp cho việc đúc tượng hoàn thành. Tư đồ lại cúng 300 mẫu ruộng tại Gia Lâm; hai trại Động Gia và An Lưu, tổng cộng ruộng đất hơn 1000 mẫu, cùng hơn 1000 gia nô để làm thường trụ cho viện Quỳnh Lâm...".

Ngoài việc dựng chùa, tổ tượng, Pháp Loa cũng rất quan tâm và chú trọng đến việc in kinh sách, mở giảng các lớp thuyết pháp về Phật pháp. Pháp Loa đã giảng các bộ, như *Truyền đăng lục*, *Tuyết Đậu ngữ lục*, *Đại Tuệ ngữ lục*, *Tuệ Trung Thượng sĩ ngữ lục*, *Thiền tâm thiết chủ ngữ lục*... và giảng các kinh: *Kim cương*, *Viên giác*, *Thủ Lăng nghiêm*, đặc biệt là *Hoa nghiêm*. "Tháng 12, sư kêu gọi tăng chúng và cư sĩ chích máu in *Đại Tạng kinh* hơn 5000 quyển, để lại viện Quỳnh Lâm. Anh Tông tự chích máu mình viết *Đại tạng kinh* cỡ nhỏ gồm 20 hộp, ban cho sư..." (*Thanh Mai Viên Thông tháp bi*).

Dưới thời trụ trì của Pháp Loa, Phật giáo phát triển rộng khắp, tăng ni, đệ tử nhiều, như văn bia "Thanh mai Viên Thông tháp bi" ghi rằng: "Các đệ tử của sư (Pháp Loa) có: Quang ở Côn Sơn, Ngung ở Quế Đường, Huy ở Ngân Sơn, Ngân ở Diển Châu, Thuần ở Nhân Kiệt, Nhân ở Quỳnh Lâm, Nguyên ở Siêu Loại, Quán ở Trúc Đường, Na ở Hồ Thiên, Sang Kháng ở Quỳnh Lâm, Quang ở Tuyết Am, Tính ở Quang Am, Chỉ ở Ngạnh Minh, Trang ở Cổ Châu. Đệ tử trên 3000 người đều liệt kê trong đồ tịch".

Cũng văn bia này cho biết, ngày 13 tháng 2 năm Canh Ngọ, niên hiệu Khai Hựu thứ 2 (1330), Pháp Loa từ chùa Vĩnh Nghiêm về viện Quỳnh Lâm, đem những điều mà Điều Ngự Trần Nhân Tông đã

truyền trước đây là giá trạng và tả tâm kệ truyền cho sư Huyền Quang dậy rằng phải gìn giữ lấy. Đến ngày mồng 3 tháng 3, Pháp Loa cầm bút viết kệ xong, không bệnh qua đời, Thái Thượng hoàng gia phong hiệu cho sư là Tịnh Trí tôn giả, gọi là Pháp Viên thông.

2.3. Về Huyền Quang:

Huyền Quang (1254 - 1334) là tổ thứ ba của thiền phái Trúc Lâm, quê ở làng Vạn Tải, thuộc lộ Bắc Giang hạ. Sư từng thi đỗ làm quan. Văn bia "Đại Bi tự bi" ở làng Vạn Tải ghi: "Tổ họ Lý, tên chữ là Đạo Tái. Tổ tiên ngài là các vị tiến sỹ liên tiếp 6 đời triều Lý. Cụ tổ đầu tiên là Ôn Hoà, từng làm đến chức Hành khiển. Cụ Ôn Hoà sinh ra cụ Lương, cụ Lương sinh ra cụ Nhượng, cụ Nhượng sinh ra cụ Minh Doãn, cụ Minh Doãn sinh cụ Khâm, cụ Khâm sinh ra cụ Quang Dụ - tiến sỹ đầu đời Trần, làm quan đến chức Chuyển vận. Cụ Quang Dụ sinh ra 4 con trai: con cả tên là Tráng, hai là Tướng, ba là Thành, đều đỗ tiến sỹ. Con út huy Tuệ, là cha ruột của ngài, lấy bà họ Lê. Ông bà cầu tự ở "chùa Ngọc Hoàng" trong xã mới có thai. Năm Giáp Dần, niên hiệu Nguyên Phong thứ 4 (1254), ngài ra đời trong ánh dạ quang có mùi hương kỳ lạ, mọi người gọi ngài là đức trẻ thơm thanh tịnh".

Năm 51 tuổi, ngài mới xuất gia. Ban đầu, theo học thiền sư Bào Phác ở chùa Lễ Vĩnh, sau đó, ngài đi theo Nhân Tông trong vài năm, giúp Nhân Tông soạn sách, như *Chư phẩm kinh*, *Công văn tập*, *Thích khoa giáo*. Sau khi vua Nhân Tông mất, ngài đi theo Pháp Loa, rồi về trụ trì chùa Vân Yên trên núi Yên Tử. "Ngài thường theo vua tới chùa Vĩnh Nghiêm ở huyện Phượng Nhãn, được dự những buổi thuyết pháp của thiền sư Pháp Loa. Ngài như được giác ngộ tiền duyên, bèn dâng biểu xin xuất gia, được thiền sư trao cho y bát, đặt pháp hiệu là Huyền Quang (*Đại Bi tự bi*).

Sau một thời gian, ngài lại đến tu ở chùa Thanh Mai, rồi chùa Côn Sơn. Lúc Pháp Loa ốm ở viện An Lạc, ngài đứng ra chăm sóc. Năm Pháp Loa mất, Huyền Quang đã 77 tuổi, nhận là tổ thứ 3 của thiền phái Trúc Lâm. Sau đó, ngài trở về Côn Sơn như một ẩn tăng. Pháp hiệu của ngài được văn bia ghi lại là "Đệ tam tổ triều Trần chùa Côn Sơn Tư Phúc, tự pháp Huyền Quang Ma Ha đại tôn giả" (*Côn Sơn Tư Phúc tự bi*).

Côn Sơn là nơi cát địa của trời đất, nên đã thu hút được nhiều bậc cao tăng về đây hoằng dương Phật pháp, trong đó có Huyền Quang. Văn bia "Thanh Hư động" ghi rằng: "Xưa, thời Hoàng đế

Minh Tông triều Trần nước Nam Việt học đạo tu thân thành quả Phật kế truyền tông phái tổ sư thứ ba là Huyền Quang nối đời tu trì tại danh lam Côn Sơn Tư Phúc".

Sau khi lập thiền viện Quỳnh Lâm vào năm 1316, Pháp Loa cho mở rộng quy mô chùa Côn Sơn, xây dựng nơi đây thành tăng viện đào tạo tăng ni, giảng kinh thuyết pháp. Ngày 22 tháng Giêng năm 1334, sư tổ Huyền Quang viên tịch. Thương tiếc vị quốc sư mẫu mực, Thái Thượng hoàng Trần Minh Tông đã về Côn Sơn ban tước hiệu và tiền vàng để xây Đàng Minh Bảo tháp.

Bài văn bia bảo tháp ghi rằng: "Trúc Lâm thiền sư đời thứ ba, đặc phong tự pháp là Huyền Quang tôn giả tiền thân là A Nan tôn giả, Phật sắc giáng sinh vào đất Đông Thổ (...).

Mê tiên nơi bồng đảo, tìm đạo từ bi cõi Tây Thiên, ngài coi phú quý như phù vân, thú một lòng vui thích cảnh lâm tuyền. Phật giáo thịnh hành, đạo pháp cao vời vợi. Ngoài 80 tuổi quy tiên, mười nguyện xây tháp báu huy hoàng, ân lớn không quên" (*Đặng Minh Bảo tháp bi*).

Như vậy, tư liệu văn bia cụm di tích Phật phái Trúc Lâm vô cùng phong phú, là minh chứng có tính xác thực đối với các di tích thiền phái Trúc Lâm, cũng như các hoạt động và thực hành Phật pháp của các sư tổ Trúc Lâm và đệ tử mà bài viết này mới điểm ra đôi điều²./.

Đ.K.T

Chú thích:

1- Quốc phụ Thượng tể: Tức Huệ Vũ vương Trần Quốc Chấn.

2- Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số VII.1.4-2013.12.

Tài liệu tham khảo:

1- Thích Thanh Từ, *Thiền sư Việt Nam*, Tp. Hồ Chí Minh, 1995.

2- Thích Thanh Từ, *Trúc Lâm Tam Tổ giảng giải*, 1997.

3- Lê Mạnh Thát, *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, tập 2, Nxb. Tp. HCM, 2001.

4- Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2000.

5- Đình Khắc Thuân, "Văn bia Phật giáo thời Lê sơ", *Tạp chí Hán Nôm*, số 3 năm 2015.

6- Bản dịch *Văn bia Lý Trạng nguyên hành trạng*, khắc năm Tự Đức thứ 18 (1865).

7- Bản dịch *Văn bia Thanh Mai Viên Thông tháp bi*, khắc năm Đại Trị thứ 5 (1362).

8- Bản dịch *Văn bia Côn Sơn Thiên Tư Phúc tự bi*, dựng năm Hoàng Định 15 (1615).